TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:74/2023/DS-PT
Ngày 14 -12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***-Thư ký phiên tòa*:**Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLPT-DS ngày 20-10-2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao T, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1968; Nơi thường trú: Xóm Thành T, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1985 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Xóm Tân P, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Xóm Thành T, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Có mặt ông Vũ Văn Đ, anh Trần Văn C, chị Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15-5-2023, bản tự khai ngày 30-5-2023, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Vũ Văn Đ trình bày:

Giữa vợ chồng ông và vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H có quen biết nhau và là người cũng xã. Do cần tiền để làm ăn nên ngày 10-01-2023, vợ chồng ông có cho vợ chồng anh C, chị H vay số tiền là 1.560.000.000 đồng. Khi vay vợ chồng anh C hẹn đến ngày 20-02-2023 sẽ trả và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh C, chị H tại xóm Tân P cho vợ chồng ông. Đến hẹn vợ chồng anh C không trả số tiền đã vay trên cho vợ chồng ông, vợ chồng ông cũng đã xuống nhà đòi vợ chồng anh C nhiều lần nhưng không được. Tại đơn khởi kiện, ông Đ đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả ông số tiền vay gốc là 1.560.000.000 đồng, lãi tính đến hết tháng 7 năm 2023 là 72.800.000 đồng; tổng là 1.632.800.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ yêu cầu vợ chồng anh C, chị H trả ông số tiền gốc đã vay là 1.560.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H trình bày: Vợ chồng anh chị là người cùng xóm với vợ chồng ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị H. Do cần tiền làm ăn nên vợ chồng anh đã vay tiền của vợ chồng ông Đ, bà H số tiền là 1.400.000.000 đồng, còn 160.000.000 đồng là tiền lãi gộp vào nhưng vợ chồng anh không có căn cứ chứng minh; Giấy biên nhận do anh viết và vợ chồng anh ký, không bị ai ép buộc và có giao cho vợ chồng ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng. Do cuộc sống khó khăn đến nay vợ chồng anh chưa trả được nợ cho vợ chồng ông Đ. Nay ông Đ có đơn khởi kiện, vợ chồng anh chị đồng ý trả nợ cho ông Đ, bà H 1.560.000.000 đồng và yêu cầu ông Đ, bà H trả lại giấy tờ.

* Tại Bản tự khai ngày 30-5-2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nhĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Nhất trí với phần trình bày của ông Đ. Đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả vợ chồng bà số tiền vay gốc là 1.560.000.000 đồng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao T, tỉnh Nam Định.Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Đ.

Anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H 1.560.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với việc ông Vũ Văn Đ rút yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

Buộc ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị H giao lại anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 10 tại xóm Tân P, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáovà biện pháp thi hành án.

Ngày 29-8-2023anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H là bị đơntrong vụ án có đơn kháng cáovới nội dung:Tại phiên toà sơ thẩm anh C và chị H có nhận nợ với ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.560.000.000 đồng nhưng nay anh C, chị H xin kháng cáo lại anh C và chị H chỉ trả có 1.400.000.000 đồng vì số tiền 160.000.000 đồng là tiền lãi. Anh C, chị H không đồng ý nộp tiền án phí, vì vợ chồng anh C, chị H không có khả năng trả, ông Đ là người khởi kiện thì ông phải nộp án phí.

Tại phiên toà phúc thẩmvợ chồng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm và đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hvẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của ông Đ đối với số tiền 1.560.000.000 đồng. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hvề việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm xác định lại số tiền vợ chồng anh Điện, chị H còn nợ của vợ chồng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là 1.400.000.000 đồng, số tiền 160.000.000 đồng là tiền lãithì thấy:

[1] Xét đơn kháng cáo của vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hlàm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản

1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định giữa vợ chồng vợ chồng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H với vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hcó quan hệ vay tiền, đến nay đã quá hạn chưa thanh toán xong, ông Đ, bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh C, chị H trả nợ nhưng vợ chồng anh C, chị Hchưa trả và có tranh chấp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật Dân sựxác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng pháp luật.

[3] Xétvề quan hệ vay tài sản: Vợ chồng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hcó cho vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H vay số tiền 1.560.000.000 đồng,được thể hiện trong Giấy biên nhận ngày 10-01-2023. Đến nay vợ chồng anh C, chị Hiện công nhận có vay nợ của vợ chồng ông Đ, bà H tổng cộng số tiền 1.560.000.000 đồng nhưng cho rằng trong số tiền này chỉ có 1.400.000.000 đồng là nợ gốc còn lại số tiền 160.000.000 đồng là tiền lãi cộng vào. Tuy nhiên, vợ chồng anh C, chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền 160.000.000 đồng là tiền nợ lãi. Trong khi đó, trong giấy vay nợ gốc đề ngày 10 tháng 01 năm2023 có chữ ký của anh C, chị H có ghi rõ: "Anh C, chị H vay số tiền 1.560.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 10-01-2023 đến ngày 20 tháng 02 năm 2023 sẽ hoàn trả lại số tiền trên . . . trong lúc viết giấy biên nhận vay tiền vợ chồng tôi hoàn toàn tỉnh táo".Như vậy, căn cứ lời khai, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình có chữ ký của các bên đương sự, được các đương sự thừa nhận đã có đủ cơ sở kết luậnviệc vợ chồng anh C, chị Hiện có vay nợ của vợ chồng ông Đ, bà H số nợ gốc 1.560.000.000đ là có thật, hợp đồng vay nợ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, nên xác định giấy biên nhận trên là hợp pháp.

[5] Sau khi ký giấy vay nợ, nhận tiền và đến ngày hẹn trả là ngày 20-02-2023 nhưng vợ chồng anh C, chị H chưa thanh toán cho vợ chồng ông Đ; như vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị H có nghĩa vụ trả vợ chồng ông số tiền gốc là 1.560.000.000 đồng. Như vậy, giao dịch dân sự giữa vợ chồng ông Đ, bà H và vợ chồng anh C, chị Hđược xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Do anh C, chị H vi phạm thời hạn trả nợnên vợ chồng ông Đ, bà H có quyền yêu cầu anh C, chị H phải trả khoản nợ gốc 1.560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Khi vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hvay tiền của vợ chồng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thì vợ chồng anh C, chị Hcó thế chấp giao cho vợ chồng ông Đ, bà H giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn C và chị Phạm Thị Hđối với thửa đất số 438 tờ bản đồ số 10 tại xóm

Tân P, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định để làm tin. Khi nào vợ chồng anh C, chị H thanh toán trả hết số nợ 1.560.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ, bà H thì khi đó vợ chồng ông Đ, bà H sẽ có trách nhiệm giao trả lại cho vợ anh C, chị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn C và chị Phạm Thị H đối với thửa đất số 438 tờ bản đồ số 10 tại xóm Tân P, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

[7] Đối với kháng cáo của anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hkhông đồng ý nộp tiền án phí, vợ chồng anh C, chị H không có khả năng trả, ông Đ là người khởi kiện thì ông phải nộp án phí thì thấy: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận. Trong vụ án này.Do yêu cầu khởi kiện của ông Đđược Tòa án chấp nhận nên Toà án cấp sơ thẩm đã buộcvợ chồng anh C, chị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là hoàn toàn đúng. Kháng cáo của vợ chồng anh C, chị H về nộp tiền án phí là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hcũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của anh C, chị H là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh C, chị H không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hkhông được chấp nhận nên cần buộc anh C, chị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền anh C, chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000584 ngày 08-9-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao T, tỉnh Nam Định sẽ được đối trừ vào số tiền án phí phúc thẩm anh C, chị H phải nộp.

[10] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.Không chấp nhận kháng cáo củaanh Trần Văn C và chị Phạm Thị H. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 244, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của ông Vũ Văn Đ đối với vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hlà hợp pháp.

2. Buộcvợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hphải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc 1.560.000.000 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với việc ông Vũ Văn Đ rút yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

5. Khi nào vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Hthanh toán trả hết số nợ gốc 1.560.000.000 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng) cho vợ chồng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thì khi đó vợ chồng ông Đ, bà H sẽ có trách nhiệm giao trả lại cho vợ anh C, chị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H đối với thửa đất số 438 tờ bản đồ số 10 tại xóm Tân P, xã Bạch L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

6.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H phải nộp 58.800.000 đồng. Trả lại ông Vũ Văn Đ 30.180.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lại thu số 0000542 ngày 26-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Trần Văn C và chị Phạm Thị H phải nộp số tiền 300.000đ, nhưng được đối trừ vào số tiền anh C, chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai số 0000584 ngày 08-9-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Anh C, chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao T;
- VKSND huyện Giao T;
- Chi cục THADS huyện Giao T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Văn Tùng